

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

American Auditing

MỤC LỤC

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25

CHỖ S
C
O.F
CH
S
102
C
NH
M
P

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (GLS) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 06 năm 2009 và số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư.

Công ty có trụ sở đặt tại lầu 2-3 Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị

Ông: Võ Đắc Khôi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/12/2013
Ông: Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2013
Ông: Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2013

Ban Kiểm soát

Ông: Nguyễn Thanh Minh	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 26/12/2013
Bà: Lê Thị Phương Uyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2013
Bà: Quan Diễm Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2013

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh trung thực và hợp lý tài chính của Công ty trong giai đoạn. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày ký báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty, đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính.

5. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

6. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo từ trang 4 đến trang 25 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông: Võ Đặc Khôi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG, từ trang 4 đến trang 25, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, các Thông tư sửa đổi bổ sung có liên quan của Bộ tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



LÊ VĂN THANH

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận hành nghề số 0357-2013-070-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2014



NGUYỄN PHƯƠNG LAN ANH

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận hành nghề số 0673-2013-070-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		57,332,362,790	52,250,507,269
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110	IV.1	21,275,678,702	15,550,040,663
1. Tiền	111		21,275,678,702	15,550,040,663
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	IV.3	31,798,045,981	25,751,645,162
1. Đầu tư ngắn hạn	121		34,881,026,030	33,427,323,387
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(3,082,980,049)	(7,675,678,225)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	IV.9	3,878,524,970	10,708,526,839
1. Phải thu khách hàng	131		-	32,198,308
2. Trả trước cho người bán	132		70,077,000	70,657,555
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		6,936,139	10,352,387
5. Các khoản phải thu khác	138		4,742,378,322	10,904,127,384
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	IV.12	(940,866,491)	(308,808,795)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		380,113,137	240,294,605
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		258,093,728	147,775,196
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		122,019,409	92,519,409
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		16,466,847,890	19,924,232,873
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15,703,391,398	18,849,499,346
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.4	6,518,897,348	7,650,685,622
- Nguyên giá	222		13,900,674,558	14,119,732,903
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7,381,777,210)	(6,469,047,281)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.5	9,184,494,050	11,198,813,724
- Nguyên giá	228		18,032,286,673	18,032,286,673
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8,847,792,623)	(6,833,472,949)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		763,456,492	1,074,733,527
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.6	328,108,333	654,564,951
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	IV.8	435,348,159	420,168,576
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		73,799,210,680	72,174,740,142



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	8,617,819,536	2,987,265,208
I. Nợ ngắn hạn	310	8,617,819,536	2,987,265,208
2. Phải trả cho người bán	312	-	56,264,800
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 IV.7	58,208,246	25,756,089
5. Phải trả người lao động	315	218,631,000	-
6. Chi phí phải trả	316	210,030,000	647,990,155
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 IV.10	5,458,796,159	531,394,433
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320 IV.11	2,631,310,000	1,691,713,000
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	40,735,197	24,437,797
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	108,934	9,708,934
II. Nợ dài hạn	330	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	65,181,391,144	69,187,474,934
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 IV.13	135,000,000,000	135,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(69,818,608,856)	(65,812,525,066)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	73,799,210,680	72,174,740,142

3.0
 C.Đ
 C.Đ
 CHU
 SE
 3-12-13

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
6. Chứng khoán lưu ký	006		121,191,830,000	123,765,250,000
Trong đó:			-	-
6.1- Chứng khoán giao dịch	007		96,479,270,000	120,444,950,000
6.1.1- CK giao dịch của thành viên lưu ký	008		19,458,090,000	15,501,390,000
6.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	009		77,021,180,000	104,943,560,000
6.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch (GD)	012		-	-
6.3- Chứng khoán cầm cố	017		23,731,050,000	14,000,000
6.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	019		23,731,050,000	14,000,000
6.4- Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.5- Chứng khoán chờ thanh toán	027		892,300,000	2,806,300,000
6.5.2. CK chờ thanh toán khách hàng trong nước	029		892,300,000	2,806,300,000
6.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.7- Chứng khoán chờ giao dịch	037		89,210,000	500,000,000
6.7.2. CK chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		89,210,000	500,000,000
6.8- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.9- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		2,853,110,000	2,292,390,000
Trong đó:			-	-
7.1- Chứng khoán giao dịch	051		2,853,110,000	2,292,390,000
7.1.1- CK giao dịch của thành viên lưu ký	052		350,000	350,000
7.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	053		2,852,760,000	2,292,040,000
7.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		-	-
7.3- Chứng khoán cầm cố	061		-	-
7.4- Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.5- Chứng khoán chờ thanh toán	071		-	-
7.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.7- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Handwritten signature in blue ink.

NGUYỄN THỊ BÍCH THUY
 Kế Toán Trưởng



NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu	01	V.1	5,206,203,694	8,578,864,946
<i>Trong đó</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		926,861,270	2,791,720,492
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		2,264,379,993	1,793,465,649
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		91,900,000	2,283,763,427
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		1,923,062,431	1,709,915,378
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		5,206,203,694	8,578,864,946
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.2	(4,357,195,971)	161,204,927
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		9,563,399,665	8,417,660,019
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.3	13,570,027,455	15,122,393,427
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		(4,006,627,790)	(6,704,733,408)
8. Thu nhập khác	31		544,000	1,272,028
9. Chi phí khác	32		-	200
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		544,000	1,271,828
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4,006,083,790)	(6,703,461,580)
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(4,006,083,790)	(6,703,461,580)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(296,747)	(496,553)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014



NGUYỄN THỊ BÍCH THUY
Kế Toán Trưởng



NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4,006,083,790)	(6,703,461,580)
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3,062,294,538	3,443,398,865
- Các khoản dự phòng	03		(3,960,640,480)	(3,378,955,122)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,857,676,399)	(2,381,304,468)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6,762,106,131)	(9,020,322,305)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1,076,836,183	5,691,621,808
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho, đầu tư ngắn hạn	10		(1,453,702,643)	(6,355,308,775)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		712,752,602	7,263,048
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		216,138,086	350,503,235
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		273,960,210,343	460,563,291,967
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(263,882,166,800)	(457,637,129,461)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3,867,961,640	(6,400,080,483)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(90,411,453,556)	(155,717,433,003)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90,411,453,556	156,717,433,003
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,857,676,399	2,340,580,759
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,857,676,399	3,340,580,759

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5,725,638,039	(3,059,499,724)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15,550,040,663	18,609,540,387
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		21,275,678,702	15,550,040,663

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Handwritten signature: nathul

NGUYỄN THỊ BÍCH THUY
Kế Toán Trưởng



NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

NĂM 2013

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ		
		Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Giảm VND	Năm nay Tăng VND	Giảm VND	Năm nay VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	IV.14	135,000,000,000	135,000,000,000	-	-	135,000,000,000	135,000,000,000	
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	
5. Chiênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	
6. Chiênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	
10. Lợi nhuận chưa phân phối	IV.14	(59,109,063,486)	(65,812,525,066)	(6,703,461,580)	(4,006,083,790)	(65,812,525,066)	(69,818,608,856)	
Tổng cộng		75,890,936,514	69,187,474,934	(6,703,461,580)	(4,006,083,790)	69,187,474,934	65,181,391,144	

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Handwritten signature



NGUYỄN THỊ BÍCH THUY
Kế Toán Trưởng

NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH
Tổng Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (GLS) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 06 năm 2009 và số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Công ty có trụ sở đặt tại lầu 2-3 Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư.

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tài chính được soạn thảo được dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không giành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CNXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

3. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

5. Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính năm trước.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền ký quỹ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của các nhà đầu tư.

3. Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn, đầu tư dài hạn khác.

a. Phân loại

- Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích đầu tư là chứng khoán thương mại.
- Công ty phân loại các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng và các chứng khoán mua rồi bán lại theo hợp đồng (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán) là các khoản đầu tư ngắn hạn.
- Đầu tư chứng khoán dài hạn là các chứng khoán sẵn sàng để bán được nắm giữ trong một thời gian không xác định trước và có thể được bán ra vào bất kỳ lúc nào.
- Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty và dự định nắm giữ hơn một năm mặc dù thời gian thực sự nắm giữ có thể dài hơn hoặc ngắn hơn tùy thuộc vào tình hình hoạt động của các công ty được đầu tư và các trường hợp khác.

b. Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày mà công ty ký kết các hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch)

c. Đánh giá

- Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá chứng khoán bình quân tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Chứng khoán thương mại chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).
- Chứng khoán thương mại chưa niêm yết không tự do mua bán trên thị trường, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh dựa theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá theo đánh giá của Ban Giám Đốc. Ban Giám Đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này sau khi xem xét giá gốc, tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và các dòng tiền ước tính.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, chứng khoán đầu tư dài hạn và đầu tư dài hạn khác như đề cập ở trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.
- Nguyên giá của chứng khoán thương mại, đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

d. Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của quyền sở hữu.

4. Các khoản phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

b. Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và được sử dụng thay thế cho Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009), cụ thể như sau:

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Từ ngày 01/07/2013, đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45/2013/TT-BTC thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	5
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình bao gồm: phần mềm giao dịch, kế toán, website, các loại bản quyền phần mềm...Trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 03 - 15 năm.

6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Theo thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ quỹ, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có sự sụt giảm giá trị lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 02 năm 2009. Theo đó, mức trích dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

7. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

a. Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

c. Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

d. Chi phí dịch vụ thuê ngoài

Các chi phí liên quan đến hệ thống mạng và trang trí nội thất được phân bổ trong nhiều kỳ kế toán, tối đa 05 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Trích lập bảo hiểm thất nghiệp

Bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh thành công

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt tại quỹ	46,310,713	66,920,966
Tiền gửi ngân hàng	19,732,337,989	14,760,872,697
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1,497,030,000	722,247,000
Tổng cộng	21,275,678,702	15,550,040,663
<i>Trong đó:</i>		
Tiền của Công ty chứng khoán	15,816,882,543	15,018,646,230
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	5,458,796,159	531,394,433

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	897,180	10,115,217,357
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	34,828,489	375,775,997,843
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
Tổng cộng	35,725,669	385,891,215,200

3. Tình hình đầu tư tài chính (Xem phụ lục 01)

4. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số Đầu Năm	91,679,020	13,043,073,783	984,980,100	-	-	14,119,732,903
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(219,058,345)	-	-	-	(219,058,345)
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số Cuối Năm	91,679,020	12,824,015,438	984,980,100	-	-	13,900,674,558
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số Đầu Năm	88,623,053	5,586,968,036	793,456,192	-	-	6,469,047,281
- Khấu hao trong năm	3,055,967	880,755,547	164,163,350	-	-	1,047,974,864
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(135,244,935)	-	-	-	(135,244,935)
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số Cuối Năm	91,679,020	6,332,478,648	957,619,542	-	-	7,381,777,210
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số Đầu Năm	3,055,967	7,456,105,747	191,523,908	-	-	7,650,685,622
Số Cuối Năm	-	6,491,536,790	27,360,558	-	-	6,518,897,348

Ghi chú: Nguyên nhân giảm TSCĐ HH trong kỳ là do nguyên giá của các TSCĐ HH này (bao gồm: máy điều hoà, máy tính, thiết bị máy tính) không đủ tiêu chuẩn về giá trị theo TT 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của BTC

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số Đầu Năm	-	-	-	18,032,286,673	18,032,286,673
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số Cuối Năm	-	-	-	18,032,286,673	18,032,286,673
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số Đầu Năm	-	-	-	6,833,472,949	6,833,472,949
- Khấu hao trong năm	-	-	-	2,014,319,674	2,014,319,674
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số Cuối Năm	-	-	-	8,847,792,623	8,847,792,623
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số Đầu Năm	-	-	-	11,198,813,724	11,198,813,724
Số Cuối Năm	-	-	-	9,184,494,050	9,184,494,050

6. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số Đầu Năm	Tăng trong kì	Kết chuyển vào chi phí HKĐK trong kì	SỐ CUỐI NĂM
Công cụ dụng cụ	77,534,136	-	67,573,286	9,960,850
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	577,030,815	-	258,883,332	318,147,483
Tổng cộng	654,564,951	-	326,456,618	328,108,333

7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế thu nhập cá nhân	51,863,246	16,366,839
Các loại thuế khác	6,345,000	9,389,250
Tổng cộng	58,208,246	25,756,089

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	315,348,159	259,444,867
Tiền lãi phân bổ	-	40,723,709
Tổng cộng	435,348,159	420,168,576

9. Các khoản phải thu (xem phụ lục 02)

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nhận ký quỹ ngắn hạn của nhà đầu tư	5,458,796,159	531,394,433
Tổng cộng	5,458,796,159	531,394,433

11. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Là khoản phải trả về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

12. Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số dư đầu kỳ	(308,808,795)	(209,680,077)
Số sử dụng trong kỳ	-	-
Số trích lập trong kỳ	(632,057,696)	(99,128,718)
Số dư cuối kỳ	(940,866,491)	(308,808,795)

13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu kỳ (tại 01/01/2013)	135,000,000,000
Tăng / (giảm) vốn góp trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ (tại 31/12/2013)	135,000,000,000

b. Chi tiết thành viên góp vốn tại ngày 31/12/2013:

	Vốn góp	Tỷ lệ
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hoà Bình	29,635,000,000	21.95%
Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức	30,363,000,000	22.49%
Công ty CP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP.HCM	13,500,000,000	10.00%
Công ty CP Vạn Phát Hưng	13,365,000,000	9.90%
Công ty CP Khu công nghiệp Long An	13,365,000,000	9.90%
Công ty TNHH Phú Mỹ Thuận	7,331,000,000	5.43%
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long	6,750,000,000	5.00%
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1	6,750,000,000	5.00%
Các cổ đông khác	13,941,000,000	10.33%
	135,000,000,000	100.00%

c. Lợi nhuận chưa phân phối

	VND
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01/01/2013	(65,812,525,066)
Lợi nhuận trên báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	(4,006,083,790)
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2013	(69,818,608,856)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	926,861,270	2,791,720,492
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	2,264,379,993	1,793,465,649
Doanh thu hoạt động tư vấn	91,900,000	2,283,763,427
Doanh thu khác	1,923,062,431	1,709,915,378
Tổng cộng	5,206,203,694	8,578,864,946

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	186,573,813	1,694,812,741
Chi phí đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	1,789,877,184
Chi phí lưu ký chứng khoán	45,801,287	75,989,053
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	802,965,000	1,697,251,510
Chi phí khác	3,127,105	78,609,789
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh	1,038,467,205	5,336,540,277
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (*)</i>	<i>(5,395,663,176)</i>	<i>(5,175,335,350)</i>
Tổng cộng	(4,357,195,971)	161,204,927

(*) Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài chính, các khoản kinh doanh hoạt động chứng khoán góp vốn khi có lãi (giá bán cao hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục doanh thu, khi lỗ (giá bán thấp hơn giá gốc), trích lập dự phòng hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán thì ghi nhận vào chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên	3,964,281,235	4,512,010,194
Chi phí đồ dùng văn phòng	158,379,363	129,030,352
Chi phí khấu hao TSCĐ	3,062,294,538	3,443,398,865
Thuế, phí và lệ phí	3,000,000	3,000,000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	632,057,696	99,128,718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,261,835,065	4,328,461,244
Chi phí bằng tiền khác	1,488,179,558	2,607,364,054
Tổng cộng	13,570,027,455	15,122,393,427

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo

Không phát sinh.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	5,458,796,159	531,394,433
Các khoản khác	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành, và
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận;
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu.

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính	(4,006,083,790)	(6,703,461,580)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức

Mối quan hệ
Tổ chức góp vốn

b. Phát sinh giao dịch với các bên liên quan trong năm

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức		
- Mua dịch vụ	3,313,037,605	2,843,168,588
- Cung cấp dịch vụ	-	36,776,286

c. Số dư tại ngày lập báo cáo tài chính với các bên liên quan

	31/12/2013	31/12/2012
Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức		
- Phải thu	-	-
- Phải trả	28,533	56,287,973

2 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21,275,678,702	15,550,040,663
Các khoản phải thu ngắn hạn	3,878,524,970	10,708,526,839
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	31,798,045,981	25,751,645,162
Cộng	25,154,203,672	26,258,567,502
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn, dài hạn	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2,631,310,000	1,691,713,000
Nợ tài chính khác	5,709,561,356	1,260,087,185
Cộng	8,340,871,356	2,951,800,185
Trạng thái ròng	16,813,332,316	23,306,767,317

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ gồm các khoản vay như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu những rủi ro của thị trường (bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và Rủi ro về giá khác.

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của công ty là không trọng yếu vì Công ty chỉ có một số rất ít tiền bằng Đô la Mỹ (USD) tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng / giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty.

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng cá nhân được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức tín dụng do Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Giám đốc Bộ phận dịch vụ khách hàng theo dõi liên tục và báo cáo cho Tổng Giám đốc.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
SỐ CUỐI NĂM			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch CK	2,631,310,000	-	2,631,310,000
Nợ tài chính khác	5,709,561,356	-	5,709,561,356
Cộng	8,340,871,356	-	8,340,871,356
SỐ ĐẦU NĂM			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch CK	1,691,713,000	-	1,691,713,000
Nợ tài chính khác	1,260,087,185	-	1,260,087,185
Cộng	2,951,800,185	-	2,951,800,185

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

Tài sản tài chính

SỐ CUỐI NĂM

Tiền và các khoản tương đương tiền	21,275,678,702	-	21,275,678,702
Các khoản phải thu ngắn hạn	3,878,524,970	-	3,878,524,970
Các khoản đầu tư tài chính	31,798,045,981	-	31,798,045,981
Cộng	56,952,249,653	-	56,952,249,653

SỐ ĐẦU NĂM

Tiền và các khoản tương đương tiền	15,550,040,663	-	15,550,040,663
Các khoản phải thu ngắn hạn	10,708,526,839	-	10,708,526,839
Các khoản đầu tư tài chính	25,751,645,162	-	25,751,645,162
Cộng	52,010,212,664	-	52,010,212,664

3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Handwritten signature in blue ink.

NGUYỄN THỊ BÍCH THUY
Kế Toán Trưởng



NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.***PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Chi tiêu	Giá trị số sách VND	So sánh với giá thị trường hoặc giá trị ước tính có thể thu hồi Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ước tính có thể thu hồi VND	Giá trị thị trường / Giá trị ước tính có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
(a) Đầu tư ngắn hạn	34,881,026,030	1,606,016,919	(3,082,980,049)	33,404,062,900	(3,082,980,049)	(3,082,980,049)
Chứng khoán vốn niêm yết (i)	27,845,779,030	1,606,016,919	(3,082,980,049)	26,368,815,900	(3,082,980,049)	(3,082,980,049)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	7,035,247,000	-	-	7,035,247,000	-	-
(b) Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	34,881,026,030	1,606,016,919	(3,082,980,049)	33,404,062,900	(3,082,980,049)	(3,082,980,049)

b. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013

Chi tiêu	Giá trị số sách VND	So sánh với giá thị trường hoặc giá trị ước tính có thể thu hồi Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ước tính có thể thu hồi VND	Giá trị thị trường / Giá trị ước tính có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
(a) Đầu tư ngắn hạn	33,427,323,387	283,938	(7,675,678,225)	25,751,929,100	(7,675,678,225)	(7,675,678,225)
Chứng khoán vốn niêm yết (i)	26,392,076,387	283,938	(7,675,678,225)	18,716,682,100	(7,675,678,225)	(7,675,678,225)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	7,035,247,000	-	-	7,035,247,000	-	-
(b) Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	33,427,323,387	283,938	(7,675,678,225)	25,751,929,100	(7,675,678,225)	(7,675,678,225)

(i) Chứng khoán vốn niêm yết:

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại các sàn giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

- Tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Tại Sàn Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh;
- Tại Sàn UpCOM được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sàn UpCOM - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(ii) Biến động dự phòng các khoản đầu tư tài chính:

Chi tiêu	SỐ ĐẦU NĂM (VND)	Hoàn nhập VND	Tăng thêm VND	SỐ CUỐI NĂM (VND)
Chứng khoán vốn niêm yết	(7,675,678,225)	4,592,698,176	-	(3,082,980,049)
Tổng cộng	(7,675,678,225)	4,592,698,176	-	(3,082,980,049)

Valhul

NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY
 Kế Toán Trưởng



Nguyễn Ngọc Chính

NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH
 Tổng Giám đốc

Handwritten notes and stamps on the right margin.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

PHỤ LỤC 02: CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Giảm VND	Tổng số VND	Số cuối kỳ		Số dư phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND			Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	
1. Phải thu khác hàng	32,198,308	-	-	75,000,000	107,198,308	-	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	10,352,387	-	-	1,962,474,080	1,965,890,328	6,936,139	-	-	-
- Phải thu Sở GD&ĐT	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng vẽ giao dịch chứng khoán	10,352,387	-	-	1,962,474,080	1,965,890,328	6,936,139	-	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác (*)	10,904,127,384	-	-	4,990,301,482	11,152,050,544	4,742,378,322	-	-	(940,866,491)
Tổng cộng	10,946,678,079	-	-	7,027,775,562	13,225,139,180	4,749,314,461	-	-	(940,866,491)

(*) Chi tiết các khoản phải thu:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	48,642,640	1,095,835,962
- Hỗ trợ tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư	965,889,840	973,969,590
- Giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	3,727,845,842	8,819,453,832
- Phải thu khác	-	14,868,000

Nguyễn Thị Bích Thủy

NGUYỄN THỊ BÍCH THUY
Kế Toán Trưởng



NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH
Tổng Giám đốc

